

Số: /BC-SNNMT-KH

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và ý kiến Phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết trình HĐND quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư Pháp, Dân tộc và Tôn giáo, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nội vụ.
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;
- Ban quản lý VQG Bù Gia Mập;
- Các Ban QLR (chủ rừng) trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Công văn số 488/UBND-KT ngày 04/02/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trong đó, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tham mưu UBND tỉnh thực hiện xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng cụ thể tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng xong dự thảo tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có Công văn số 440/SNNMT-KHTC ngày 21/3/2025 gửi đến các Sở, ban ngành, đơn vị, địa phương có liên quan góp ý và gửi góp ý về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 29/3/2025 để chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dự thảo tham mưu UBND tỉnh. Kết quả, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được văn bản góp ý của 21 đơn vị (trong đó: (1) Có 11 đơn vị thống nhất với dự thảo; (2) Có 04 đơn vị không có ý kiến; (3) Có 06 đơn vị có ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung dự thảo) (có biểu tổng hợp ý kiến góp ý kèm theo Công văn số 1181/SNNMT-KHTC ngày 24/4/2025).

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dự thảo tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và

phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có Công văn số 1181/SNNMT-KHTC ngày 24/4/2025 gửi đến các Sở, ban ngành, đơn vị, địa phương có liên quan góp ý (lần 2), đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết. Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được văn bản góp ý của 09 đơn vị (trong đó: (1) Có 07 đơn vị thống nhất với dự thảo; (2) Có 01 đơn vị không có ý kiến; (3) Ý kiến phản biện xã hội của UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bình Phước; (4) Các đơn vị còn lại không có ý kiến, xem như đã thống nhất với dự thảo Nghị quyết) (có *biểu tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và ý kiến Phản biện xã hội kèm theo*).

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành, đơn vị và ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dự thảo tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (có *dự thảo Nghị quyết kèm theo*).

Trên đây là báo cáo Tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và ý kiến Phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết trình HĐND quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(*Gửi kèm dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến góp ý và ý kiến phản biện xã hội và các tài liệu có liên quan*)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Như kính gửi;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Lực).

GIÁM ĐỐC

Phạm Thụy Luân

**Biểu: Tổng hợp và ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và ý kiến Phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết
trình HĐND quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT-KH ngày / /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Đơn vị góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
I	Các đơn vị thống nhất với dự thảo Nghị Quyết (07 đơn vị)			
1	Sở Tài chính	Công văn số 1196/ STC-NS&HCSN ngày 26/4/2025	Thống nhất	
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công văn số 896/ SVHTTDL-VP ngày 26/4/2025	Thống nhất	
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Công văn số 269/ SDTTG-CSDT ngày 06/5/2025	Thống nhất	
4	UBND thị xã Phước Long	Công văn số 745/UBND-TH ngày 26/4/2025	Thống nhất	
5	UBND huyện Lộc Ninh	Công văn số 1027/UBND-KT ngày 29/4/2025	Thống nhất	
6	UBND thị xã Bình Long	Công văn số 1615/UBND-KT ngày 06/5/2025	Thống nhất	
7	UBND huyện Bù Đăng	Công văn số 1014/UBND-KT ngày 08/5/2025	Thống nhất	
II	Các đơn vị không có ý kiến với dự thảo Nghị Quyết (01 đơn vị)			
1	Sở Xây dựng	Công văn số 959/SXD-QLN ngày 29/4/2025	Không có ý kiến	
III	Ý kiến phản biện xã hội			
1	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	Công văn số 758/MTTQ-BTT ngày 13/5/2025	Các nội dung phản biện xã hội gồm: 1. Ý kiến đồng tình với chủ trương, quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết: 15 ý kiến đồng thuận, 13 ý kiến đồng thuận đánh giá cao.	

STT	Đơn vị góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			2. Ý kiến phản biện xã hội đối với nội dung của Nghị quyết 2.1. Về thời điểm ban hành Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét về thời điểm ban hành Nghị quyết có phù hợp vào thời điểm hiện tại: Lý do: Theo lộ trình sáp nhập tỉnh, tỉnh mới Đồng Nai sẽ đi vào hoạt động từ 01/9/2025. Như vậy, nếu Nghị quyết được ban hành thì chỉ có hiệu lực 3 tháng, chưa kể thời gian lấy ý kiến, thông qua Hội đồng Nhân dân tỉnh, trong khi công việc chuẩn bị cho sáp nhập tỉnh, xã, phường, thị trấn rất nhiều cần tập trung thực hiện. Mặt khác, mức đầu tư, hỗ trợ theo dự thảo nghị quyết vẫn theo Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ đã được thực hiện ổn định trên địa bàn tỉnh (01 ý kiến). 2.2. Đối với căn cứ pháp lý: Trong dự thảo Nghị quyết quá nhiều văn bản quy phạm pháp luật; Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu có thể xem xét bỏ một số căn cứ là Thông tư. Bởi vì, các căn cứ đó không liên quan nhiều đến nội dung của dự thảo Nghị quyết, mà nên chủ yếu tập trung “mức đầu tư, hỗ trợ” đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (02 ý kiến). 2.3. Về phạm vi điều chỉnh (tại khoản 1 Điều 1): Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu cần làm rõ việc không áp dụng Điều 7 “Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng”, Điều 11 “Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ” và “Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng” tại Điều 21 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung quy định tại Điều 7, Điều 11, Điều 21 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ vào “Phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 cho phù hợp quy định pháp luật (01 ý kiến).	Tiếp thu ý kiến và sẽ báo cáo xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và UBND tỉnh xem xét, quyết định. Tiếp thu ý kiến và đã đưa ra khỏi dự thảo Nghị Quyết. Về ý kiến phản biện xã hội: cần làm rõ việc không áp dụng Điều 7, Điều 11. Giải trình: “Mức đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng, phòng hộ” theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được phê duyệt, theo từng dự án riêng biệt và từng thời điểm khác nhau mức đầu tư sẽ khác nhau, khó áp dụng mức đầu tư cụ thể; nên đề xuất áp dụng

STT	Đơn vị góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			2.4. Đối với Điều 2 (Nguồn kinh phí thực hiện): Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu cần bổ sung thêm các quỹ ngoài ngân sách và nguồn xã hội hóa như: “<i>Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, quỹ môi trường hoặc các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn đóng góp từ khu vực tư nhân, tổ chức quốc tế</i>” (01 ý kiến). 2.5. Đối với Điều 7: Đề nghị cơ quan nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ (01 ý kiến).	theo khoản 1 Điều 14 trong dự thảo. Về ý kiến phản biện xã hội: cần làm rõ việc không áp dụng Điều 21. Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng. Giải trình: theo khoản 2 Điều 21 Nghị định 58/2024/NĐ-CP “<i>Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp, hình thức trợ cấp theo diện tích, số khẩu phù hợp với thực tế địa phương...</i>”, nên mức trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng đề xuất áp dụng theo khoản 1 Điều 14 trong dự thảo. Về ý kiến phản biện xã hội “<i>bổ sung thêm các quỹ ngoài ngân sách và nguồn xã hội hóa</i>”: các nguồn kinh phí này thuộc “các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật” tại khoản 2 Điều 2 dự thảo, do đó giữ nguyên như nội dung dự thảo, không tiếp thu. Sở Nông nghiệp và Môi trường không tiếp thu. Lý do: Thực tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước, chủ rừng quản lý diện tích rừng tự nhiên là Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ, Vườn quốc gia thực hiện giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; do đó việc lập hồ sơ, quản lý,

STT	Đơn vị góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			2.6. Đối với Điều 11 (Mức khoán bảo vệ rừng): a) Ý kiến thứ nhất: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm chữ “kinh phí vào trước chữ “Mức khoán bảo vệ rừng” cho rõ nghĩa và khoa học hơn, tránh hiểu lầm sang mức khoán về diện tích (01 ý kiến). b) Ý kiến thứ hai: Đề nghị cơ quan nghiên cứu có thể xem xét mức khoán theo từng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 58/2024/NĐ-CP, nhằm tránh cào bằng trong hỗ trợ và đảm bảo tính hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định 58/2024/NĐ-CP. Cụ thể như sau: - Ban quản lý rừng phòng hộ được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng - Ban quản lý rừng đặc dụng được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng. - Doanh nghiệp nhà nước, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng, tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, tại xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm. - Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê đang quản lý diện tích rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê được Nhà nước cấp kinh phí quản lý, bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm,	kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng không thuộc nhiệm vụ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo, điều chỉnh như sau: “<i>Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng</i>”. Sở Nông nghiệp và Môi trường không tiếp thu. Lý do: theo ý kiến phản biện xã hội thì nội dung đã được thể hiện tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết; do đó đề nghị giữ nguyên như nội dung dự thảo.

STT	Đơn vị góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			tại xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm. c) Ý kiến thứ ba: - Tại khoản 1 của Điều 11 của dự thảo quy định “<i>Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ ngân sách nhà nước là 500.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm</i>”. Nhìn chung vẫn còn khá thấp và chưa có sự phân chia so với khu vực; đơn cử tại tỉnh Lâm Đồng, mỗi ha rừng nhận khoán quản lý bảo vệ được chi trả số tiền ở mức thấp nhất là 445.000 đồng/năm, cao nhất là 2.723.000 đồng/năm tùy theo khu vực. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu nên xem xét điều chỉnh lại hạn mức nhằm tăng cường trách nhiệm của đơn vị nhận rừng tránh tình trạng “khoán hình thức”. - Tại khoản 2 của Điều 11 “<i>Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu...</i>” được đề cập nhiều lần nhưng chưa nêu rõ mức cụ thể cũng như phương pháp tính. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu nên có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để tránh phát sinh chi phí ngoài quy định hoặc gây khó khăn khi thực hiện nghiệm thu, thanh toán. 2.7. Đối với Điều 12 (Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp): - Ý kiến thứ nhất: tại khoản 1 của Điều 12: “<i>Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình: Xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng; xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; xây dựng vườn ươm giống theo hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt nhưng tối đa theo mức quy định tại các điểm 2, 3 và 4 khoản này</i>”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu trong dự thảo Nghị quyết không có khoản 2, 3 và 4; do vậy đề nghị xem xét nghiên cứu bổ sung cụ thể cho đảm bảo đầy đủ và logic, khoa học (01 ý kiến).	Sở Nông nghiệp và Môi trường không tiếp thu. Lý do: tại Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP không có sự phân chia theo khu vực, nên Sở Nông nghiệp và Môi trường không có đủ cơ sở để điều chỉnh. Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo, điều chỉnh như sau: “<i>Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hàng năm</i>”. Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo, điều chỉnh như sau: “..... tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này”.

STT	Đơn vị góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			- Ý kiến thứ hai: Đối với chính sách “<i>Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất cây giống, cây trồng lâm nghiệp</i>”: Được quy định tại dự thảo nghị quyết khá có sức hấp dẫn đối với một dự án hoặc công trình xây dựng. Trong đó, đối với một dự án hoặc công trình xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao có quy mô sản xuất tối thiểu 1 triệu cây/năm thì mức hỗ trợ là 05 tỷ đồng.... Tuy nhiên đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu cần có phương án cũng như yêu cầu về tiêu chí lựa chọn đối tượng được thụ hưởng và cam kết duy trì (<i>ví dụ từ 10 - 20 năm</i>) hoạt động nhằm đảm bảo hiệu quả của dự án, công trình được đầu tư (<i>01 ý kiến</i>). 2.8. Đối với Điều 14. Điều khoản thi hành, tại khoản 2: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm chữ “<i>đó</i>” vào sau cùng thì sẽ chặt chẽ và phù hợp hơn “<i>....bổ sung hoặc thay thế đó</i>” (<i>01 ý kiến</i>). 2.9. Một số ý kiến khác đối với dự thảo Nghị quyết (05 ý kiến phản biện xã hội): - Ý kiến thứ nhất: Tại khoản 3 Điều 27 theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP yêu cầu HĐND cấp tỉnh căn cứ các mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong nghị định 58/2024/NĐ-CP để quyết định các mức cụ thể cho phù hợp với điều kiện KT - XH của tỉnh nghĩa là có thể nhỏ hơn, bằng hoặc cao hơn. Do vậy, nếu tỉnh ta có quy định mức khác 58/2024/NĐ-CP thì dự thảo cần ra nghị quyết cho từng mức cụ thể mức nào nhỏ hơn, mức nào bằng, mức nào cao hơn...Do vậy, nên xem xét soạn dự thảo nghị quyết theo hướng “<i>thực hiện theo Nghị định 58/2024/NĐ-CP</i> vừa ngắn gọn vừa đảm bảo đúng quy định”. - Ý kiến thứ hai: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét tỉnh Bình Phước là tỉnh miền núi; do vậy việc trồng rừng cần rất nhiều và rất quan trọng, đa số bà con Nhân dân trồng rừng có điều kiện sống khó khăn nên cần có một số mức hỗ trợ cao hơn mức trong nghị định 58/2024/NĐ-CP.	Sở Nông nghiệp và Môi trường không tiếp thu. Lý do: tại Điều 22 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP đã quy định về đối tượng được thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ, nên Sở Nông nghiệp và Môi trường giữ nguyên như nội dung dự thảo. Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo. Sở Nông nghiệp và Môi trường không tiếp thu. Lý do: Sở Nông nghiệp và Môi trường thấy rằng nếu “<i>thực hiện theo Nghị định 58/2024/NĐ-CP</i>” là chưa cụ thể để áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, do đó giữ nguyên như nội dung dự thảo. Sở Nông nghiệp và Môi trường không tiếp thu. Lý do: ý kiến phản biện xã hội đề nghị cần có một số mức hỗ trợ cao hơn mức trong nghị định 58/2024/NĐ-CP; tuy nhiên không đưa ra mức hộ

STT	Đơn vị góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			- Ý kiến thứ ba: Cần bổ sung thêm một số biểu mẫu, phụ lục đối với toàn bộ mức hỗ trợ, đầu tư, khoán (tối đa - tối thiểu), theo từng loại rừng và từng đối tượng cụ thể để thuận tiện tra cứu. Ví dụ: Đối với các loại cây trồng có chu kỳ sinh trưởng dài như giáng hương, chò... cần được quy định đối với từng loại giống cây trồng cho phù hợp với điều kiện thực tế, không nên cào bằng bình quân như quy định hiện nay như: (1) Xem xét bổ sung chính sách ưu tiên với các chủ rừng là đồng bào dân tộc thiểu số hoặc khu vực rừng bị suy thoái nghiêm trọng; (2) Cần có cơ chế kiểm tra, đánh giá, hậu kiểm việc sử dụng ngân sách được cấp, tránh lạm dụng, thất thoát ngân sách nhà nước. - Ý kiến thứ tư: Đề nghị cơ quan nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm điều luật về mức trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng (Mức trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 58/2024/NĐ- CP). Lý do: Bởi vì, dự thảo Nghị quyết là hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, để cho các đối tượng tiếp cận một cách hệ thống, toàn diện các nội dung hỗ trợ của Nhà nước; đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện. - Ý kiến thứ năm: Đề nghị xem xét bổ sung thêm phần Tổ chức thực hiện: làm cơ sở pháp lý phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan nhà nước (UBND, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát) tổ chức thực hiện Nghị quyết được tốt hơn.	trợ cụ thể với từng hạng mục công việc, đối tượng cụ thể, nên Sở Nông nghiệp và Môi trường không có đủ cơ sở để điều chỉnh, bổ sung. Sở Nông nghiệp và Môi trường không tiếp thu. Lý do: dự thảo đã nêu rõ mức hỗ trợ cụ thể khoán bảo vệ rừng tại Điều 11, do đó không cần bổ sung biểu mẫu, phụ lục; hàng năm đơn vị giao khoán thực hiện kiểm tra, nghiệm thu khoán bảo vệ rừng và thực hiện thanh quyết quyết theo quy định hiện hành, nên giữ nguyên như nội dung dự thảo. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã giải trình cụ thể theo ý kiến phản biện xã hội tại mục “2.3. Về phạm vi điều chỉnh” nêu trên. Sở Nông nghiệp và Môi trường không tiếp thu. Lý do: “Tổ chức thực hiện” đã được nêu rõ cụ thể tại Điều 2 dự thảo Nghị Quyết.